

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2016

Số: 763 /VTVT-QĐ

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế quản trị
Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính ban hành "Quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng";
- Căn cứ văn bản số 2463/UBCK-QLCB ngày 11/5/2015 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc thực hiện Thông tư số 121/2012/TT-BTC theo tinh thần Luật Doanh nghiệp năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/4/2016;
- Theo đề nghị của Giám đốc Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này "Quy chế quản trị Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, cán bộ quản lý, các Trưởng đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- ĐU, HĐQT, BKS, BGD, *KT*
- Các đơn vị trực thuộc Cty,
- Lưu: VT, PC&QHCB. *anh*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH *Phan*



Cái Hồng Thu

QUY CHẾ

Quản trị Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 763 /QĐ-VTVT ngày 19 tháng 7 năm 2016
của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

Quy chế này được xây dựng theo những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị tại Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “BKS”: Ban kiểm soát, là cơ quan thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý khác trong việc quản lý, điều hành Công ty.
2. “Cán bộ quản lý”: Là các thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc điều hành, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và một số trưởng phòng, ban, đơn vị trực thuộc khác của Công ty.
3. “Công ty”: Là Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng.
4. “Cổ đông lớn”: Là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
5. “ĐHĐCĐ”: Là Đại hội đồng cổ đông, gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
6. “Điều lệ Công ty”: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/4/2016.
7. “HĐQT”: Hội đồng quản trị, là cơ quan quản lý Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
8. “Luật Doanh nghiệp”: Là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014.

9. “*Người có liên quan*”: Là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán và Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp .

10. “*Quản trị công ty*”: Là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.

11. “*Thành viên HĐQT không điều hành*”: Là thành viên HĐQT không phải là Giám đốc điều hành, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được HĐQT bổ nhiệm.

12. “*Thành viên HĐQT độc lập*”: Là thành viên HĐQT đáp ứng các điều kiện sau:

- Là thành viên HĐQT không điều hành và không phải là người có liên quan với Giám đốc điều hành, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được HĐQT bổ nhiệm;

- Không phải là thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành, Phó giám đốc của các công ty con, công ty liên kết, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát;

- Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của Công ty;

- Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho Công ty trong hai (02) năm gần nhất;

- Không phải là đối tác hoặc là người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với Công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên trên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào của Công ty trong hai (02) năm gần nhất.

Trong Quy chế này, có tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản pháp luật khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Chương II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông:

a) Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tài khoản lưu ký chứng khoán của cổ đông mở tại một thành viên lưu ký chứng khoán ghi có số dư cổ

phiếu của Công ty. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký, thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tên, các thông tin về cổ đông được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

b) Sổ đăng ký cổ đông của Công ty và/hoặc danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp cho Công ty là căn cứ duy nhất để xác định tư cách, quyền và nghĩa vụ của cổ đông.

2. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là:

a) Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của Công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty;

d) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu theo các hình thức khác được Công ty áp dụng theo quy định của Pháp luật.

đ) Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Công ty.

e) Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.

3. Thông tin của Công ty được cung cấp cho cổ đông qua các kênh sau:

- Website chính thức của Công ty: <http://www.vtvxm.vn>
- Thông tin được báo cáo, công bố chính thức trên các phương tiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật về báo cáo, công bố thông tin đối với tổ chức niêm yết;
- Các văn bản, báo cáo khác chính thức phát hành cho cổ đông.

Điều 4. Trách nhiệm của cổ đông lớn

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.

2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Điều lệ Công ty

Công ty xây dựng Điều lệ theo Điều lệ mẫu được hướng dẫn tại Thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính, phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

Điều 6. Hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường

1. Công ty xây dựng và công bố trên trang thông tin điện tử (Website) của Công ty trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, gồm các nội dung chính sau:

a) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

- Hội đồng quản trị Công ty hoặc Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải gửi Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp.

c) Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có trách nhiệm đăng ký trước khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hướng dẫn của Ban tổ chức tại từng cuộc họp.

d) Cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại phiên họp:

- Tất cả các nội dung trong chương trình của phiên họp đều phải thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự họp bằng Thẻ biểu quyết hoặc Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện.

- Cách thức biểu quyết:

+ Biểu quyết bằng cách ghi trên Phiếu biểu quyết: Các nội dung chi tiết được ghi trên Phiếu biểu quyết, các cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng (Đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến).

+ Biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết: Cổ đông thực hiện giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội theo điều hành của Đoàn chủ tịch theo nội dung: Đồng ý; Không đồng ý; hoặc không có ý kiến để biểu quyết các vấn đề sau:

. Thông qua Ban Kiểm phiếu, Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội.

. Thông qua Quy chế bầu cử Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát; Danh sách ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát; Số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được bầu tại Đại hội.

. Thông qua Biên bản Đại hội;

. Và các nội dung khác theo Quy chế làm việc và Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Phiếu biểu quyết phải bao gồm các nội dung chính: Tên Công ty, ngày tháng năm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, tên cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, các vấn đề cần biểu quyết và phương án biểu quyết, phần dành cho cổ đông ký tên và dấu treo của Công ty.

d) Cách thức kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu do Đoàn chủ tịch giới thiệu và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Ban kiểm phiếu tổ chức kiểm phiếu ngay sau khi kết thúc việc biểu quyết;

- Trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, BKS thì thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách ứng viên vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

e) Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Tổng số phiếu đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến của từng nội dung sẽ được Trưởng Ban Kiểm phiếu thông báo kết quả tại Đại hội ngay sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu.

g) Tỷ lệ thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông :

- Trong trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, các nội dung sau trình Đại hội được thông qua khi đạt ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp tán thành:

+ Loại cổ phần và số cổ phần của từng loại;

+ Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

+ Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty;

+ Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

+ Tổ chức lại, giải thể Công ty.

- Các nội dung khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

h) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông do Thư ký Đại hội lập phải bao gồm các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 146 Luật Doanh nghiệp, phải lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

i) Thông báo quyết định Đại hội đồng cổ đông ra công chúng:

Nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

k) Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

- Cổ đông có quyền phản đối Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng cách

yêu cầu ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu Nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng quản trị nếu Nghị quyết công bố sau cuộc họp.

- Cổ đông có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ Công ty. Mọi chi phí liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ do người yêu cầu trả.

- Trong mọi trường hợp, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc vẫn phải tuân thủ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của Tòa án hoặc Trọng tài về việc hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

1) Các vấn đề khác.

2. Chương trình nghị sự của Đại hội:

a) Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu bổ sung chương trình Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều 18 Điều lệ Công ty.

3. Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người ủy quyền vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán phải được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

5. Nhằm tăng cường hiệu quả của các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

6. Hàng năm Công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

7. Ngoại trừ các trường hợp phải thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được nêu tại Khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

Các nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính;
- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
- Kết quả giám sát đối với Giám đốc điều hành;
- Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý khác;
- Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 8. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- * - Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;
- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
- Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

Chương III

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 9. Ứng cử, đề cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu bảy (07) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

2. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Việc đề cử ứng viên Hội đồng quản trị mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 Điều lệ Công ty. Cơ chế Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được công bố trong Quy chế bầu cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị theo phương thức dồn phiếu.

Điều 10. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải là những người hội đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 151 Luật Doanh nghiệp, Khoản 2, Khoản 3 Điều 2 Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật có liên quan. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

2. Để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị, Công ty hạn chế thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm các chức danh quản lý trong bộ máy điều hành của Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc điều hành Công ty (Khoản 1 Điều 27 Điều lệ Công ty).

Điều 11. Thành phần Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị gồm năm (05) người. Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập có ít nhất là một

(01) người.

3. Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty. Việc bầu mới thành viên Hội đồng quản trị thay thế phải được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều 12. Quyền của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố cho Công ty các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty.

5. Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.

6. Thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về các giao dịch có liên quan với Công ty theo quy định tại Điều 28 Thông tư 121/2012/TT-BTC và Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Công ty.

3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

4. Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị;

- Cách thức đề cử và ứng cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị của cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty.

7. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét và quyết định các vấn đề sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc tham dự Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty; Quyết định mức lương và lợi ích khác của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty;

d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

đ. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;

e. Kiến nghị các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

g. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định thêm vốn theo hình thức khác;

h. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

i. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo qui định của pháp luật;

k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức; xử lý lỗ trong quá trình kinh doanh; Trình phương án phân phối lợi nhuận; Thực hiện việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền và cách thức sử dụng các quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

l. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;

m. Quyết định giải pháp phát triển thị trường;

n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.

9. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
- b. Thành lập các công ty con của Công ty;
- c. Kiến nghị bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty;
- d. Quyết định các qui chế quản lý nội bộ Công ty. Quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty;
- đ. Thông qua hợp đồng, giao dịch trong các trường hợp sau:
 - Hợp đồng mua bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp;
 - Hợp đồng, giao dịch theo điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 162 Luật Doanh nghiệp;
 - Hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty giữa Công ty với các đối tượng nêu tại điểm b, c khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp và khoản 4 Điều 36 Điều lệ Công ty.
- e. Thông qua quyết định đầu tư trong các trường hợp sau:
 - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - * - Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- g. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
- h. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
- i. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- k. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- l. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
- m. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
- n. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

Điều 15. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị:

1. Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý ít nhất một lần hoặc họp bất thường khi thấy cần thiết hoặc khi có yêu cầu của một trong các thành phần sau: Chủ tịch Hội đồng quản trị, hai thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành, năm cán bộ quản lý, Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập.

2. Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Trường hợp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập HĐQT theo nguyên tắc đa số.

2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường nêu trên phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có yêu cầu họp.

3. Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp. Thông báo mời họp phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết.

4. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT hoặc người đại diện thay thế dự họp (người được ủy quyền). Trường hợp triệu tập họp HĐQT lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định trên thì sẽ triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày tiếp theo kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất và cuộc họp lần hai sẽ được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp. Sau hai lần triệu tập họp HĐQT mà không đủ số thành viên tham dự thì cuộc họp sẽ được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng thành viên HĐQT tham dự.

6. Cách thức biểu quyết của HĐQT theo quy định tại Khoản 9 Điều 28 của Điều lệ Công ty.

7. Cách thức thông qua Nghị quyết HĐQT: HĐQT thông qua các nghị quyết và ra các quyết định trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số (trên 50%) thành viên HĐQT có mặt. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau thì lá phiếu của Chủ tịch HĐQT sẽ là lá phiếu quyết định.

8. Biên bản họp HĐQT ghi đầy đủ nội dung và kết luận của cuộc họp và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Sau mỗi kỳ họp, các quyết định của HĐQT được gửi cho tất cả các thành viên HĐQT và Trưởng ban kiểm soát, Giám đốc.

Điều 16. Thù lao của Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao và thanh toán các khoản chi phí khi thực hiện nghĩa vụ của HĐQT. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp thường niên và được công bố theo quy định.

2. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành của Công ty và các công ty con thì thù lao được công bố phải bao gồm các khoản lương, thưởng gắn với chức danh điều hành và các khoản thù lao khác.

3. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do Công ty thanh toán, cấp cho từng thành viên Hội đồng quản trị được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 17. Thư ký Công ty

1. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Hội đồng quản trị chỉ định một (01) người làm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty phải là người hiểu biết pháp luật. Thư ký Công ty không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán đang thực hiện Báo cáo tài chính của Công ty.

2. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký công ty bao gồm:

- a. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- b. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- c. Tham dự các cuộc họp;
- d. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
- e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát.
- f. Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
- g. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty.
- h. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.
- i. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

4. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chương IV

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 18. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 33 Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty. Cơ chế đề cử của Ban kiểm soát đương nhiệm được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 19. Tư cách thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

2. Thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán

độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 20. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (03) người.
2. Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng Ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát phải đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp hiện hành.

Điều 21. Quyền tiếp cận thông tin của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên Ban kiểm soát.
2. Công ty xây dựng cơ chế nhằm hỗ trợ thành viên Ban kiểm soát hoạt động và thực thi nhiệm vụ một cách có hiệu quả theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của Công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và cổ đông.
2. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
3. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, thành viên kiểm soát nội bộ và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm.
4. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.
5. Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
6. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy

định tại Điều 8 Quy chế này.

7. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm về tính chính xác các số liệu báo cáo của mình và đảm bảo tính nguyên vẹn, chính xác của tất cả các hồ sơ, sổ sách, chứng từ, báo cáo mà Công ty gửi cho Ban kiểm soát.

Điều 23. Thù lao của Ban kiểm soát

Hàng năm các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của Ban kiểm soát. Tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm cho Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được lập thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty. Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà Công ty đã thanh toán, cấp cho từng thành viên Ban kiểm soát được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty và cho các cổ đông.

Chương V

QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC

Điều 24. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý

Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý, gồm các nội dung chính sau đây:

- Các tiêu chuẩn để lựa chọn cán bộ quản lý;
- Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý;
- Ký hợp đồng lao động với cán bộ quản lý;
- Các trường hợp miễn nhiệm cán bộ quản lý;
- Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý.

Điều 25. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc điều hành

Hội đồng quản trị quy định quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát và Giám đốc điều hành:

- Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc điều hành;
- Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Giám đốc điều hành;
- Các trường hợp Giám đốc điều hành và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;
- Báo cáo của Giám đốc điều hành với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;
- Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề uỷ quyền khác của Hội

đồng quản trị đối với Giám đốc điều hành;

- Các vấn đề Giám đốc điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc điều hành theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

Điều 26. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát

1. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập HĐQT có trách nhiệm mời đại diện Ban kiểm soát tham gia và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp quan trọng.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp tài liệu, giải trình cho Ban kiểm soát các vấn đề được Ban Kiểm soát yêu cầu theo quy định trong Điều lệ.

3. Công ty tạo mọi điều kiện để thành viên Ban kiểm soát được độc lập trong hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Ban kiểm soát phải lập chương trình, kế hoạch kiểm tra định kỳ và thông báo cho HĐQT và Giám đốc điều hành biết trước khi thực hiện, trừ trường hợp kiểm tra đột xuất.

Điều 27. Nguyên tắc quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc

1. Giám đốc là người quyết định cao nhất về mọi hoạt động điều hành của Công ty, là người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư và tổ chức thực hiện Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

2. Đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT, Giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo các phòng chuyên môn liên quan nghiên cứu lập tờ trình lên Giám đốc, Giám đốc xem xét, thảo luận và có tờ trình lên HĐQT xem xét quyết định.

3. Giám đốc có ý kiến phản đối nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc của HĐQT thì Giám đốc có quyền bảo lưu ý kiến, tuy nhiên vẫn phải thực hiện quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT và sẽ được miễn trừ trách nhiệm trong trường hợp thực hiện quyết định làm thiệt hại cho Công ty.

4. Hội đồng quản trị có quyền ra quyết định bằng văn bản để đình chỉ hoặc hủy bỏ quyết định của Giám đốc nếu có cơ sở cho rằng quyết định đó vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, quyết định của HĐQT hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích của Công ty và của cổ đông.

5. Giám đốc chuẩn bị các vấn đề sẽ được trao đổi và quyết định tại cuộc họp HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi thẩm quyền quản lý của mình hoặc theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.

6. Thành viên HĐQT không trực tiếp giao việc cho nhân viên Công ty mà không thông qua Giám đốc.

Điều 28. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị trong trường hợp cần thiết.

2. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.

3. Trường hợp Công ty không lập các tiểu ban thì HĐQT phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên phụ trách riêng về từng vấn đề.

Chương VI

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 29. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Điều 159 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.

6. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 30. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty và Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

2. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hoá của Công ty hay lũng đoạn giá cả.

4. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.

Điều 31. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, khách hàng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.

2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:

a) Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của công ty và đưa ra quyết định;

b) Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành.

3. Công ty tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Điều 32. Đào tạo về quản trị công ty

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành, Thư ký Công ty phải tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.

Chương VII

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 33. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được

thực hiện theo quy định của pháp luật và qui định nội bộ của Công ty về công bố thông tin. Ngoài ra, Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 34. Công bố thông tin về quản trị công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 35. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 29 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa Công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trước.

2. Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành hoặc cổ đông lớn.

3. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.

Chương VIII

CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 36. Giám sát

Công ty, các tổ chức và cá nhân có liên quan phải chịu sự giám sát về quản trị Công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Xử lý vi phạm

Trường hợp Công ty, các tổ chức và cá nhân có liên quan vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại Quy chế này tùy theo tính chất, mức độ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Đánh giá hoạt động, khen thưởng, kỷ luật cán bộ quản lý

1. Hàng năm, cán bộ quản lý phải lập báo cáo kết quả hoạt động trong năm trình người có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, đánh giá.

2. Người có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ quản lý có quyền xem xét khen thưởng, kỷ luật người được bổ nhiệm theo thủ tục do pháp luật về lao động, Điều lệ, Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty và các thỏa thuận trong hợp đồng lao động với cán bộ quản lý đó.

Chương IX TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 39. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này gồm 9 chương 39 điều, được HĐQT Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng thống nhất thông qua toàn văn và có hiệu lực kể từ ngày ký quyết định ban hành.

2. Trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những quy định tương ứng trong Quy chế này thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty. Công ty có thể trình HĐQT xem xét để sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

3. HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.



Cái Hồng Thu

MỤC LỤC

Chương I	Quy định chung	
Điều 1.	Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh	1
Điều 2.	Giải thích thuật ngữ	1
Chương II	Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông	
Điều 3.	Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	2
Điều 4.	Trách nhiệm của cổ đông lớn	3
Điều 5.	Điều lệ Công ty	4
Điều 6.	Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường	4
Điều 7.	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	7
Điều 8.	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	7
Chương III	Thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị	
Điều 9.	Ứng cử, đề cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị	7
Điều 10.	Tư cách thành viên Hội đồng quản trị	8
Điều 11.	Thành phần Hội đồng quản trị	8
Điều 12.	Quyền của thành viên Hội đồng quản trị	9
Điều 13.	Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	9
Điều 14.	Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	9
Điều 15.	Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị	11
Điều 16.	Thù lao của Hội đồng quản trị	12
Điều 17.	Thư ký Công ty	13
Chương IV	Thành viên Ban kiểm soát và Ban kiểm soát	
Điều 18.	Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	13
Điều 19.	Tư cách thành viên Ban kiểm soát	13
Điều 20.	Thành phần Ban kiểm soát	14
Điều 21.	Quyền tiếp cận thông tin của thành viên Ban kiểm soát	14
Điều 22.	Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	14
Điều 23.	Thù lao của Ban kiểm soát	15
Chương V	Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc	
Điều 24.	Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý	15
Điều 25.	Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc điều hành	15
Điều 26.	Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát	16

Điều 27.	Nguyên tắc quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc	16
Điều 28.	Các tiểu ban của Hội đồng quản trị	16
Chương VI	Ngăn ngừa xung đột lợi ích	
Điều 29.	Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác	17
Điều 30.	Giao dịch với người có liên quan	18
Điều 31.	Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty	18
Điều 32.	Đào tạo về quản trị công ty	18
Chương VII	Báo cáo và công bố thông tin	
Điều 33.	Nghĩa vụ công bố thông tin	18
Điều 34.	Công bố thông tin về quản trị công ty	19
Điều 35.	Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành	19
Chương VIII	Chế độ giám sát và xử lý vi phạm	
Điều 36.	Giám sát	19
Điều 37.	Xử lý vi phạm	19
Điều 38.	Đánh giá hoạt động, khen thưởng, kỷ luật cán bộ quản lý	20
Điều 39.	Tổ chức thực hiện	20